

Bản án số: 06/2025/DS - PT

Ngày 21 - 01 - 2025

“Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Văn Mạnh

**Các Thẩm phán:** Bà Phạm Thị Thúy Mai

Ông Hoàng Văn Sỹ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:**  
Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1967; Trú tại: Thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V là anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1972; Cùng trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T2 là anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn N.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông V làm nghề kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm có quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T1 làm chăn nuôi lợn và cá. Từ ngày 05/10/2016, vợ chồng ông N mua cám của ông V, hai bên thỏa thuận bằng lời nói tiền cám sẽ thanh toán toàn bộ vào thời điểm ngay sau khi vợ chồng ông N bán mỗi lứa lợn, cá. Do ông N, bà T1 đã bán nhiều lứa lợn, cá nhưng không thanh toán tiền; ông V nhiều lần yêu cầu trả tiền nợ thì ông N, bà T1 đều khất nên ông V không bán cám cho vợ chồng ông N nữa. Tính đến ngày 14/02/2018, ông N, bà T1 còn nợ ông V 145.000.000đồng.

Do ông V có xe ô tô tải nên ngày 17/11/2018, ông N thuê ông V chở cám cá, giá trị chuyến cám = 80.000.000đ (cả tiền cám và tiền công chuyên chở). Khi chở thuê cám, ông V gọi điện yêu cầu trả tiền nợ thì ông N và ông V trao đổi thỏa thuận ông V lấy toàn bộ số cám trên chuyến xe chở thuê, khấu trừ cho ông N 80.000.000đ tiền nợ (bằng giá trị chuyến xe cám). Sau khi khấu trừ, vợ chồng ông N còn nợ ông V 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng). Từ năm 2019 đến đầu năm 2024, ông V nhiều lần đến nhà ông N, bà T1 để yêu cầu trả nợ nhưng ông N, bà T1 không trả mà hứa hẹn, hết đến ngày khác nhưng không trả. Do vậy, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị T1 phải trả ông V số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) không lãi suất.

Việc ông N, bà T1 trình bày giữa ông V với ông N gọi điện thỏa thuận ông V lấy chuyến hàng chở cám cá trị giá 80.000.000đ để trừ toàn bộ số nợ 145.000.000đ là không chính xác. Tại phiên tòa, ông V và người đại diện theo ủy quyền không yêu cầu vợ chồng ông N phải trả tiền lãi chậm trả của số tiền vợ chồng ông N chưa thanh toán.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị T1 trình bày:*

Từ năm 2016 đến năm 2018 ông, bà mua thức ăn chăn nuôi lợn, cá của ông V. Hai bên thỏa thuận, sau mỗi lứa lợn, cá sẽ trả tiền cám. Tính đến ngày 14/02/2018, ông bà còn nợ ông V 145.000.000đồng. Vì chăn nuôi thua lỗ nên ông, bà đã thống nhất với ông V cho ông bà trả nợ dần.

Ngày 17/11/2018, ông V chở thuê cho ông bà một xe cám cá, trị giá 80.000.000đồng. Ông N và ông V gọi điện với nhau, nội dung ông V lấy xe hàng đó và trừ toàn bộ số tiền còn nợ 145.000.000đồng. Nay ông V yêu cầu ông

bà trả số tiền nợ 65.000.000đồng, ông bà không đồng ý. Ông bà xác định không còn nợ ông V nữa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 và người đại diện theo ủy quyền của bà T2 trình bày:*

Bà (Tuồng) là vợ ông V; gia đình bà với gia đình ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị T1 quen biết qua việc bán cám cho nhau. Mọi giao dịch bán cám, chở cám cho khách do ông V thực hiện nên bà T2 không biết cụ thể việc thỏa thuận mua bán cám giữa ông V với vợ chồng ông N. Do vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo quan điểm của ông V.

Với nội dung bản án như trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Căn cứ Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị T1 có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn V 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) không lãi suất.

Ngoài ra còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 01/10/2024, ông Nguyễn Văn N kháng cáo với lý do đã thỏa thuận trừ hết tiền chuyển cám cho khoản nợ, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N. Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ông N, bà T1 không có chứng cứ, tài liệu nào mới nhưng cho rằng đã thỏa thuận qua điện thoại với ông V trừ toàn bộ xe cám trị giá 80.000.000đ cho toàn bộ số tiền còn nợ của ông V 145.000.000đ nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông V.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N làm trong hạn luật

định hợp lệ được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xác định:

Từ năm 2016 đến năm 2018, ông Nguyễn Văn V bán thức ăn chăn nuôi lợn, cá cho ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị T1. Hai bên thỏa thuận, sau mỗi lứa thu hoạch lợn, cá thì vợ chồng ông N sẽ trả tiền cám cho ông V. Tính đến ngày 14/02/2018, vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị T1 còn nợ ông Nguyễn Văn V 145.000.000đồng tiền cám. Ngày 17/11/2018, vợ chồng ông N thuê ông V chở một xe ô tô cám chăn nuôi cá trị giá 80.000.000đồng nhưng ông V không chở cho vợ chồng ông N mà ông V sẽ lấy trừ vào tiền nợ.

Theo ông V, bà T2 thì ông N và ông V thỏa thuận ông V lấy toàn bộ số cám trên và khấu trừ cho ông N, bà T1 80.000.000đ tiền nợ (bằng giá trị chuyển xe cám). Vợ chồng ông N, bà T1 còn nợ ông V 65.000.000đ. Vì vậy, ông V đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông N, bà T1 phải hoàn trả khoản tiền còn nợ, không yêu cầu tính lãi suất của số tiền chậm thanh toán.

Phía ông N, bà T1 cho rằng giữa ông N và ông V đã gọi điện thỏa thuận với nhau, nội dung là ông V lấy xe hàng chở thuê 80.000.000đ và sẽ trừ hết toàn bộ số tiền ông, bà còn nợ ông V (145.000.000đ). Do vậy, ông, bà không còn nợ ông V bất cứ khoản tiền nào nữa.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn N về việc đề nghị hủy án sơ thẩm vì ông và bà T1 không còn nợ ông V nữa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự chỉ tranh chấp về việc ông V chở cho ông N chuyển cám (nhưng không chuyển cho ông N mà ông V nhận) để trừ đi đúng giá trị của chuyển cám là 80.000.000đ hay trừ đi toàn bộ số tiền mà ông N, bà T1 còn nợ ông V 145.000.000đ. Nhận thấy: Khi thỏa thuận đổi hàng trừ nợ giữa giá trị của xe hàng với số tiền thực nợ ông V, thì giữa ông N và ông V khai chỉ gọi điện thoại cho nhau, mà không ghi âm, ghi hình; không người chứng kiến, không lập biên bản. Ông N, bà T1 không đưa ra được bất cứ chứng cứ, giấy tờ, tài liệu chứng minh nào thể hiện việc ông V đồng ý với thỏa thuận đổi hòa (cho giá trị của chuyển cám trị giá 80.000.000đ trừ đi hết cho số tiền còn nợ ông V 145.000.000đ) như ông N bà, T1 khai.

Giá trị của xe hàng ông Nguyễn Văn V trở thuê cho vợ chồng ông N không tương xứng với số tiền vợ chồng ông N còn nợ ông V (Số tiền còn nợ cao hơn trị giá 01 xe ô tô cám). Sau khi đổi trừ số tiền nợ 145.000.000đ và giá trị xe cám 80.000.000đ thì vợ chồng ông N vẫn còn nợ ông V 65.000.000đ, nên ông V

yêu cầu ông N, bà T1 trả là đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của ông Nguyễn Văn N là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông V không yêu cầu lãi suất, không yêu cầu tính lãi suất của số tiền chậm thanh toán từ khi nợ đến khi xét xử nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự để buộc ông N, bà T1 phải chịu lãi suất của số tiền chậm trả kể từ ngày ông V làm đơn thi hành án đến ngày ông N, bà T1 thanh toán xong số tiền phải trả là chưa phù hợp. Cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp và cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của ông N không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định khoản 1 Điều 29 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân huyện Y.

2. Căn cứ các Điều 357, Điều 468 và Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị T1 phải trả ông Nguyễn Văn V số tiền còn chưa thanh toán là 65.000.000đ (*Sáu mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả các bên có quyền thỏa thuận theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất

chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### 3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị T1 phải chịu 3.250.000đ (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0003234 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

- Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0003429 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận ông Nguyễn Văn N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

### 4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Văn Mạnh**